

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm yêu cầu về kỹ thuật chung và yêu cầu về kỹ thuật chi tiết đối với hàng hóa thuộc phạm vi cung cấp của gói thầu, cụ thể:

a) Yêu cầu về kỹ thuật chung

- Hàng hóa mới 100%, chưa qua sử dụng.
- Sản xuất không trước năm 2023, có đầy đủ giấy chứng nhận xuất xứ, chứng nhận chất lượng hoặc các giấy tờ tương đương.
- Thời gian bảo hành tối thiểu 24 tháng kể từ ngày nghiệm thu, bàn giao hàng hóa.

Nhà thầu có thể chào bằng hàng hóa có ký mã hiệu đã nêu hoặc hàng hóa có chất lượng tương đương. Khái niệm « tương đương » nghĩa là có đặc tính kỹ thuật, thông số tương tự, có tính năng sử dụng là tương đương với các hàng hoá đã nêu. Nhà thầu phải chào đích danh tên vật tư, hàng hóa, xuất xứ, mã hiệu, không được ghi tương đương.

Nếu vật tư, hàng hóa có mã vật tư khác so với yêu cầu kỹ thuật, nhà thầu phải cung cấp giấy xác nhận của hãng xác định hàng hóa do nhà thầu chào có thông số kỹ thuật tương đương với vật tư, hàng hóa được yêu cầu trong gói thầu.

Phần yêu cầu kỹ thuật này là một bộ phận của hợp đồng. Do đó, việc nhà thầu không tuân thủ các yêu cầu kỹ thuật cơ bản nêu ở đây, trong quá trình thực hiện Hợp đồng sẽ được xem như nhà thầu đã vi phạm hợp đồng.

b) Yêu cầu về kỹ thuật cụ thể :

Tóm tắt thông số kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ liên quan. Hàng hóa, dịch vụ liên quan phải tuân thủ các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn sau đây:

| Hạng mục số | Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan | Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn |
|-------------|--------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1 | Khối xử lý ra đa | - Nguồn điện: 220VAC - Cổng video: DVI-D - Chuẩn dữ liệu: RS-422 (NMEA) - Kích thước: 41x385x186mm ±10% Ký mã hiệu: RPU-013 hoặc tương đương |
| 2 | Khối quét ra đa | - Tần số X-band: 9410MHz±30MHz - Công suất: 25Kw - Tốc độ quay 24RPM - Nguồn điện: 24VDC Ký mã hiệu: RSB-096-079A hoặc tương đương |

| | | |
|---|-------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 3 | Thiết bị hiển thị ra đa | <ul style="list-style-type: none"> - Nguồn điện: 220VAC - 19 inches - Cổng video: DVI-D - IP22 Ký mã hiệu: MU-192 hoặc tương đương |
| 4 | Quả cầu la bàn | <ul style="list-style-type: none"> - Tương thích la bàn STD 22 - Cung cấp hướng la bàn cho khối chính - Đồng bộ: <ul style="list-style-type: none"> + Dung dịch la bàn; + Dung dịch làm mát; + Ống nạp; + Bộ gioăng; + Rotor bơm kèm trực. Ký mã hiệu: 4004566 hoặc tương đương |
| 5 | Khối nguồn la bàn | <ul style="list-style-type: none"> - Điện áp vào: 220VAC hoặc 24VDC - Điện áp ra: 24VDC, 15A - Tự động chuyển nguồn khẩn cấp 24VDC |
| 6 | Màn hình hiển thị | <ul style="list-style-type: none"> - Nguồn điện: 9-36VDC - 19 inches - Tỷ lệ tương phản (Contrast Ratio): 1200:1 - Cổng video: DVI-D, HDMI - IP65 - Kích thước: 429x392x72,8mm±10% Đồng bộ khối chuyển đổi nguồn từ 220 VAC ra 24VDC Ký mã hiệu: CD-19T hoặc tương đương |
| 7 | Bộ vật tư máy AIS | Gồm: <ul style="list-style-type: none"> - 01 Bộ Ăng ten: <ul style="list-style-type: none"> + VHF (ký hiệu: 15209 hoặc tương đương). + Ăng ten GNSS01 (26dB, FME-M) ký hiệu: 7000 000-797 hoặc tương đương Có cáp tín hiệu 30m - 01 Khối hiển thị CDU (ký hiệu: 7000 123-500 hoặc tương đương). - 01 Cảm biến, thu phát (ký hiệu: 7000 121-500 hoặc tương đương) |
| 8 | Khối trung tâm hệ thống thông thoại | <ul style="list-style-type: none"> - Kích thước hộp: 280x180x110mm±10% - Chế độ làm việc: nhóm; tay đôi; toàn tàu; - Có giắc kết nối đến các vị trí thành viên P; công suất; loa truyền thanh và radio. Ký mã hiệu: CH/PA-300 hoặc tương đương |
| 9 | Khối công suất hệ thống thông thoại | <ul style="list-style-type: none"> - Kích thước hộp: 220x160x70mm±10% - Có giắc kết nối với khối CH; giắc kết nối với 2 loa nén 30W. Ký mã hiệu: CS/PA-300 hoặc tương đương |

| | | |
|----|-------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 10 | Khối P1 | <ul style="list-style-type: none"> - Kích thước hộp: 160x135x75mm±10% - Có giắc kết nối với khối CH; Giắc micro; Giắc kết nối chuông đèn; Giắc ra loa 10W. Ký mã hiệu: P1 hoặc tương đương |
| 11 | Khối P3 | <ul style="list-style-type: none"> - Kích thước hộp: 160x135x75mm±10% - Có giắc kết nối với khối CH; Giắc micro Ký mã hiệu: P3/PA-300 hoặc tương đương |
| 12 | Khối truyền thanh | <ul style="list-style-type: none"> - Kích thước hộp: 220x160x65mm±10% - Có giắc kết nối với khối CH. - Có chế độ bắt nghe. Ký mã hiệu: P/PA-300 hoặc tương đương |